

INNOVATING VIETNAM'S GENERAL EDUCATION CURRICULUM: SOME ACHIEVEMENTS AND CHALLENGES IN THE TRANSFORMATION TOWARDS A COMPETENCY-BASED APPROACH

Duong Thanh Hoa^{*1}, Ha Van Quynh²,
Ly Quoc Bien³, Tran Thi Lan⁴,
Vuong Quoc Anh⁵

* Corresponding author
Email: hoadt@gesd.edu.vn

² Email: quynhvhv@gesd.edu.vn

³ Email: bienlq@gesd.edu.vn

⁴ Email: anhvq@gesd.edu.vn

⁵ Email: lantt@gesd.edu.vn

^{1,2,3,4,5} The Vietnam National Institute
of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Cua Nam ward,
Hanoi, Vietnam

Received: 18/12/2025

Revised: 15/5/2026

Accepted: 10/6/2026

Published: 25/7/2026

Abstract: This article provides a systematic analysis of the innovation process within Vietnam's general education curriculum, focusing on the transition from a content-based approach (the 2006 curriculum) to a competency-based framework (the 2018 curriculum). Through a retrospective analysis of key policy documents, including Resolution No. 29-NQ/TW, Resolution No. 71-NQ/TW, and Resolution No. 91/NQ-CP, combined with national and international datasets (PISA 2022, TALIS 2018), the study examines changes in curriculum structure, assessment practices, and the integration of educational technologies. The findings indicate that the new curriculum has brought about positive shifts, particularly in formative assessment and digital learning. However, challenges remain, including shortages in teaching staff, disparities in infrastructure, and unmet demand for ICT training. The paper proposes several policy directions to enhance resource investment and system capacity, contributing to the more effective implementation of the curriculum in the coming period.

Keywords: General education; curriculum reform; content-based curriculum; competency-based curriculum; education policy.

ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG Ở VIỆT NAM: MỘT SỐ KẾT QUẢ VÀ THÁCH THỨC TRONG CHUYỂN ĐỔI THEO ĐỊNH HƯỚNG TIẾP CẬN NĂNG LỰC

Duong Thanh Hoa^{*1}, Hà Văn Quỳnh²,
Lý Quốc Biên³, Trần Thị Lan⁴,
Vương Quốc Anh⁵

* Tác giả liên hệ:
Email: hoadt@gesd.edu.vn

² Email: quynhvhv@gesd.edu.vn

³ Email: bienlq@gesd.edu.vn

⁴ Email: anhvq@gesd.edu.vn

⁵ Email: lantt@gesd.edu.vn

^{1,2,3,4,5} Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam,
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 18/12/2025

Chỉnh sửa xong: 15/5/2026

Chấp nhận đăng: 10/6/2026

Xuất bản: 25/7/2026

Tóm tắt: Bài báo tổng quan tiến trình đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông tại Việt Nam, tập trung vào sự chuyển dịch từ cách tiếp cận nội dung (Chương trình 2006) sang tiếp cận năng lực (chương trình 2018). Trên cơ sở phân tích hồi cứu các văn bản chính sách như Nghị quyết 29-NQ/TW, Nghị quyết 71-NQ/TW và Nghị quyết 91/NQ-CP, kết hợp với dữ liệu quốc gia và quốc tế (PISA 2022, TALIS 2018), nghiên cứu làm rõ những thay đổi trong cấu trúc chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá và ứng dụng công nghệ. Kết quả cho thấy, Chương trình mới đã tạo ra những chuyển biến tích cực song vẫn còn những vấn đề cần tiếp tục quan tâm như thiếu hụt đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất chưa đồng đều và nhu cầu đào tạo về công nghệ thông tin. Bài báo đề xuất một số định hướng chính sách nhằm tăng cường đầu tư nguồn lực và hạ tầng, góp phần nâng cao hiệu quả triển khai chương trình trong giai đoạn tiếp theo.

Từ khóa: Giáo dục phổ thông, đổi mới chương trình, chương trình giáo dục theo tiếp cận nội dung, chương trình giáo dục theo tiếp cận năng lực, chính sách giáo dục.

1. Đặt vấn đề

Trong hệ thống giáo dục quốc gia, Chương trình Giáo dục phổ thông giữ vai trò nền tảng, định hướng toàn bộ hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá, đồng thời thể hiện mục tiêu và những giá trị cốt lõi của nền giáo dục phổ thông. Trước bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ, giáo dục phổ thông Việt Nam đã và đang đứng trước yêu cầu đổi mới mạnh mẽ nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển con người toàn diện, có năng lực thích ứng với xã hội hiện đại. Một trong những chuyển biến quan trọng nhất trong hơn một thập niên qua là sự thay đổi cách tiếp cận trong xây dựng và triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông từ tiếp cận nội dung sang định hướng phát triển năng lực người học.

Chương trình Giáo dục phổ thông 2006 được xây dựng với định hướng chuẩn hóa nội dung dạy học, xác định rõ yêu cầu về kiến thức và kỹ năng cần đạt đối với từng môn học và cấp học. Qua thực tiễn triển khai, một số vấn đề đã được nhận diện như quá tải nội dung, thiếu tính liên thông và chưa phát huy được vai trò chủ động của người học. Trong giai đoạn này, nhiều nghiên cứu lý luận và thực tiễn của các cơ sở nghiên cứu, các trường đại học sư phạm và các nhà khoa học giáo dục trong cả nước - trong đó có các nghiên cứu của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam - đã được triển khai, góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho việc đề xuất các định hướng đổi mới giáo dục. Nhiều đề tài tập trung vào các vấn đề như: đánh giá chương trình hiện hành, xây dựng cơ sở khoa học cho việc phát triển chương trình sau năm 2015, xác định mô hình phân hóa trong giáo dục phổ thông, xây dựng tiêu chí đánh giá chương trình và nghiên cứu các phương án tích hợp trong phát triển Chương trình Giáo dục phổ thông. Những kết quả nghiên cứu này là một trong những nguồn tham khảo quan trọng trong quá trình xây dựng các chủ trương lớn như Nghị quyết số 29-NQ/TW (2013) về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội về Đổi mới Chương trình, Sách giáo khoa Giáo dục phổ thông.

Trên nền tảng đó, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 được xây dựng với định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, thể hiện bước chuyển rõ nét trong tư duy giáo dục. Tuy nhiên, quá trình triển khai Chương trình mới cũng gặp phải nhiều thách thức về sự chưa đồng bộ của cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên. Để tháo gỡ các rào cản này, Kết luận 91-KL/TW và Nghị quyết 71-NQ/

TW (2025) đã tiếp tục khẳng định vai trò trung tâm của việc nâng cao chất lượng GDPT trong bối cảnh chuyển đổi số, đồng thời đề ra các cơ chế đặc thù nhằm tạo đột phá về quản trị và đầu tư nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hiện thực hóa mục tiêu của chương trình mới.

Bài viết này nhằm phân tích một số kết quả đã đạt được và những thách thức đặt ra trong quá trình đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông ở Việt Nam, đặc biệt trong giai đoạn chuyển dịch từ Chương trình Giáo dục phổ thông 2006 (theo tiếp cận nội dung) sang Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 (theo tiếp cận năng lực). Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số định hướng chính sách nhằm tăng cường hiệu quả triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông trong giai đoạn tiếp theo.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp hồi cứu để tìm hiểu quá trình chuyển đổi cách tiếp cận trong giáo dục phổ thông Việt Nam, từ Chương trình Giáo dục phổ thông 2006 đến Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Phương pháp này dựa trên việc tổng hợp và phân tích các tài liệu chính thức đã được ban hành, nhằm làm rõ những thay đổi về định hướng giáo dục, nội dung chương trình và cách tổ chức thực hiện. Nguồn tài liệu được sử dụng gồm hai nhóm chính:

Nhóm thứ nhất, là các văn bản mang tính chiến lược về đổi mới chương trình như Nghị quyết số 29-NQ/TW (2013) về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội về Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Kết luận số 91-KL/TW (2024) về Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 29 và các văn bản này thể hiện rõ định hướng chiến lược trong phát triển Chương trình Giáo dục phổ thông, khẳng định sự chuyển đổi từ mục tiêu trang bị kiến thức sang phát triển phẩm chất và năng lực người học.

Nhóm thứ hai, gồm các tài liệu chuyên môn và báo cáo tổng kết của ngành giáo dục, như Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông mới; Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 29 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chương 5 của cuốn 80 năm giáo dục phát triển đất nước; Nghị quyết số 91/NQ-CP (2024) về xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục; cùng với các thông tư hướng dẫn thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Những tài liệu này phản ánh thực tế triển khai chương trình, từ nội dung giảng dạy đến phương pháp đánh giá

và các điều kiện hỗ trợ như cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên.

Việc lựa chọn phương pháp hồi cứu không chỉ đảm bảo tính khách quan và khoa học cho nghiên cứu, mà còn góp phần cung cấp một cái nhìn toàn cảnh về tiến trình đổi mới giáo dục phổ thông ở Việt Nam - từ chính sách đến thực tiễn, từ định hướng chiến lược đến những biểu hiện cụ thể trong lớp học.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Chương trình Giáo dục phổ thông 2006

a. Đặc điểm của Chương trình

Chương trình Giáo dục phổ thông 2006 được xây dựng theo cách tiếp cận nội dung, tập trung vào việc xác định và truyền đạt hệ thống kiến thức nền tảng của từng lĩnh vực khoa học, nghệ thuật và xã hội. Đặc trưng của cách tiếp cận này thể hiện ở việc chương trình được mô tả chủ yếu qua hệ thống chuẩn kiến thức, kỹ năng cần đạt, cùng với khối lượng và phạm vi tri thức quy định cho từng môn học và cấp học. Nội dung chương trình được cụ thể hóa thông qua bộ chuẩn kiến thức, kỹ năng cho từng môn học, được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo tài liệu hướng dẫn thực hiện (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2008).

Về cấu trúc, chương trình được thiết kế ổn định, tổ chức theo ba cấp học: tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông với nội dung các môn học được sắp xếp theo logic tuyến tính và mức độ tăng dần về độ khó. Cách thiết kế này phản ánh những đặc trưng cơ bản của tiếp cận nội dung, trong đó trọng tâm là bảo đảm tính hệ thống và tính kế thừa của tri thức khoa học giữa các cấp học.

Tuy nhiên, chương trình vẫn chủ yếu được xây dựng theo các môn học độc lập, dẫn đến sự phân tách tương đối giữa các lĩnh vực tri thức. Mặc dù một số môn học như Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học đã thể hiện tư duy tích hợp thông qua việc kết nối các chủ đề về con người, tự nhiên và xã hội, mức độ tích hợp dừng ở mức độ liên hệ hoặc kết hợp nội dung trong cùng một môn, chưa hình thành các mạch tích hợp liên môn rõ rệt. Các nghiên cứu tổng kết Chương trình Giáo dục phổ thông 2006 đã chỉ ra rằng, đặc điểm này, kết hợp với việc đánh giá chủ yếu dựa trên chuẩn kiến thức, kỹ năng là một trong những nguyên nhân khiến chương trình chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển năng lực vận dụng và năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn của người học trong bối cảnh giáo dục hiện đại (Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2017; Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014).

Mục tiêu giáo dục của Chương trình Giáo dục phổ

thông 2006 được nêu trong Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT là nhằm: “Giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa...” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2006). Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, các văn bản hướng dẫn và công cụ đánh giá chủ yếu tập trung vào việc đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng, chưa mô tả rõ ràng hệ thống phẩm chất và năng lực cốt lõi cần hình thành ở người học. Điều này ảnh hưởng đến cách tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá, dẫn đến xu hướng thiên về truyền đạt lý thuyết và kiểm tra khả năng ghi nhớ kiến thức (Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2017).

b. Một số kết quả và hạn chế

Tổng kết quá trình triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2006 cho thấy một số kết quả và hạn chế nổi bật, phản ánh đặc trưng của một chương trình được thiết kế theo tiếp cận nội dung. Về kết quả, chương trình 2006 là chương trình đầu tiên được ban hành thống nhất trên toàn quốc sau thời kỳ đổi mới, thiết lập một khung pháp lý vững chắc cho việc biên soạn sách giáo khoa và tổ chức dạy học đại trà; góp phần chuẩn hóa và nâng cao mặt bằng kiến thức chung của học sinh, duy trì và đẩy mạnh mục tiêu phổ cập giáo dục trên cả nước (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014; Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2017). Về định hướng, chương trình 2006 đã bước đầu tiếp cận các tư tưởng giáo dục đổi mới như hướng đến năng lực người học, chương trình mở, phân hóa và tích hợp, tạo nền tảng tư duy cho các giai đoạn phát triển sau này.

Tuy nhiên, quá trình triển khai cũng bộc lộ một số hạn chế. Nội dung Chương trình được nhận diện là còn chuyên sâu về lý thuyết, làm hạn chế việc phát triển tính ứng dụng thực tiễn của kiến thức cho người học; tính tích hợp và phân hóa của chương trình chủ yếu tập trung ở phương diện cấu trúc nội dung, chưa tạo được chuyển đổi mạnh mẽ về phương pháp dạy học. Bộ Chuẩn kiến thức, kỹ năng chủ yếu mô tả các yêu cầu về nội dung mà chưa mô tả rõ ràng các năng lực cốt lõi cần phát triển ở người học (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2008; Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2017). Đây là những luận cứ thực tiễn quan trọng cho việc ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW (2013) và Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội, mở đường cho việc xây dựng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực.

3.2. Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

a. Đặc điểm của Chương trình

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 được xây dựng theo cách tiếp cận năng lực, đánh dấu sự chuyển dịch trọng tâm từ việc truyền thụ kiến thức sang hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực cốt lõi cho học sinh. Định hướng này được xác lập trong Nghị quyết số 29-NQ/TW (2013), Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội và cụ thể hóa tại Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông. Chương trình xác định rõ yêu cầu cần đạt về phẩm chất (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và năng lực cốt lõi, gồm ba năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) cùng các năng lực chuyên biệt, nhằm định hướng đồng bộ cho quá trình dạy học và đánh giá. Điểm khác biệt cốt lõi so với chương trình 2006 chính là việc xác định hệ thống yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực làm chuẩn đầu ra của chương trình thay vì lấy danh mục kiến thức, kĩ năng làm trung tâm, qua đó tạo cơ sở cho việc đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá và phát triển học liệu.

Về cấu trúc, chương trình được thiết kế theo hướng mở, tăng cường tích hợp ở cấp dưới và phân hóa ở cấp trên. Ở cấp Tiểu học và Trung học cơ sở, các môn học tích hợp như Khoa học Tự nhiên, Lịch sử và Địa lí giúp học sinh hình thành tư duy tổng thể. Sự thay đổi này không đơn thuần là việc ghép cơ học các phân môn, mà là sự chuyển đổi sang mô hình tích hợp xuyên môn nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn. Ở cấp Trung học phổ thông, Chương trình thực hiện phân hóa sâu thông qua các môn học lựa chọn và chuyên đề học tập, giúp học sinh định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực và sở trường cá nhân.

Mục tiêu của Chương trình 2018 được cụ thể hóa thành hệ thống năm phẩm chất và mười năng lực cốt lõi, được mô tả thông qua các biểu hiện cụ thể và mức độ đạt được theo từng cấp học. Cách thiết kế này giúp khắc phục hạn chế về tính trừu tượng của chương trình cũ, tạo cơ sở khách quan cho việc đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học và hình thức đánh giá theo hướng chú trọng vào khả năng vận dụng tri thức thay vì tái hiện lý thuyết.

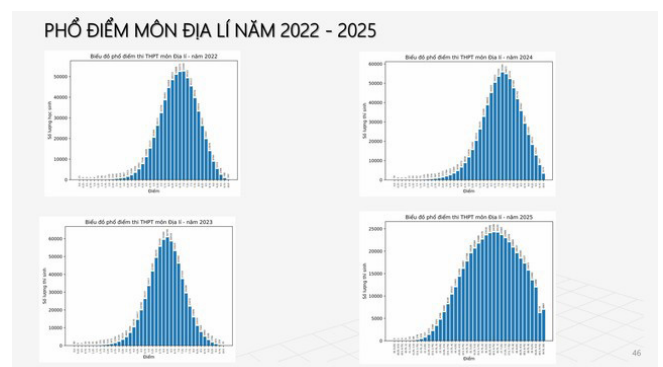
Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 và triển khai theo hình thức cuốn chiếu, bắt đầu từ năm học 2020 - 2021 đối với lớp 1 và tiếp tục mở rộng đối

với các lớp tiếp theo. Việc tổ chức thực hiện được hỗ trợ bằng hệ thống văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kế hoạch giáo dục nhà trường, bồi dưỡng giáo viên và điều kiện cơ sở vật chất (trong đó có Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT quy định về phòng học bộ môn và thiết bị dạy học).

b. Một số kết quả nổi bật

Việc triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đã tạo ra một số chuyển biến tích cực trong hệ thống giáo dục phổ thông Việt Nam, gắn liền với đặc trưng của tiếp cận năng lực. Một trong những thành tựu nổi bật là sự thay đổi trong phương pháp kiểm tra, đánh giá với xu hướng chuyển từ đánh giá chủ yếu dựa trên kiến thức sang chú trọng hơn đến quá trình học tập và khả năng vận dụng của học sinh. Trong thực tiễn dạy học, nhiều cơ sở giáo dục đã tăng cường sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng như bài tập dự án, sản phẩm học tập, thuyết trình và hoạt động trải nghiệm. Bên cạnh đó, quá trình chuyển đổi số trong giáo dục được thúc đẩy mạnh mẽ, đặc biệt trong giai đoạn dịch COVID-19. Việc sử dụng hệ thống học liệu số, phần mềm hỗ trợ dạy học và các nền tảng học trực tuyến đã góp phần duy trì hoạt động giáo dục và mở rộng khả năng tiếp cận học tập của học sinh trong nhiều bối cảnh khác nhau.

Chương trình cũng tạo điều kiện cho dạy học phân hóa và định hướng nghề nghiệp ở cấp Trung học phổ thông thông qua hệ thống môn học lựa chọn và chuyên đề học tập. Theo thống kê từ thi tốt nghiệp trung học phổ thông giai đoạn 2022 - 2025, phổ điểm ở một số môn học có xu hướng phân hóa rõ hơn, phản ánh sự đa dạng trong năng lực và định hướng học tập của học sinh (xem Hình 1).



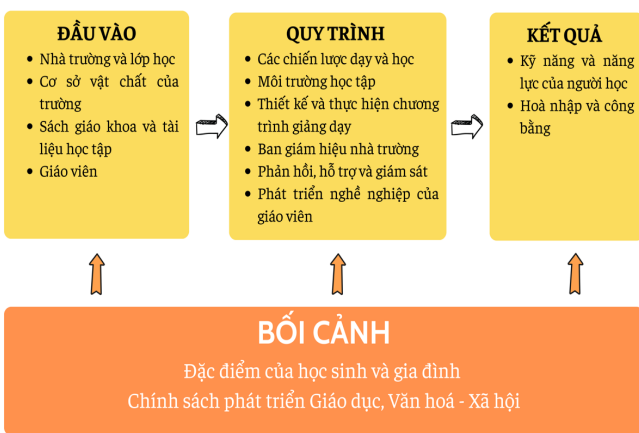
(Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025a)

Hình 1: Phổ điểm tốt nghiệp môn Địa lí năm 2022-2025

Trên bình diện quốc tế, kết quả PISA 2022 do OECD công bố cho thấy, học sinh Việt Nam tiếp tục

duy trì mức kết quả tương đối tích cực ở các lĩnh vực đọc hiểu, toán học và khoa học trong tương quan với nhiều quốc gia tham gia khảo sát (OECD, 2024). Đồng thời, khảo sát TALIS 2018, ghi nhận tỉ lệ giáo viên Việt Nam tham gia các hoạt động phát triển chuyên môn ở mức cao (90%), cho thấy sự quan tâm ngày càng lớn đối với việc bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp trong bối cảnh đổi mới giáo dục (OECD, 2019). Mặc dù các kết quả này chưa phản ánh đầy đủ tác động của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 do khác biệt về thời điểm triển khai, chúng vẫn cung cấp những dữ liệu tham chiếu quan trọng cho việc đánh giá bối cảnh và năng lực thích ứng của hệ thống giáo dục Việt Nam trong giai đoạn chuyển đổi.

Từ góc độ hệ thống, quá trình đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông không chỉ liên quan đến nội dung chương trình mà còn gắn với các yếu tố như chính sách quản lý, đội ngũ giáo viên, điều kiện cơ sở vật chất và môi trường học tập. Cách tiếp cận này phù hợp với khung chất lượng giáo dục của Viện Quy hoạch Giáo dục Quốc tế (IIEP - UNESCO), trong đó nhấn mạnh tính liên kết giữa các thành tố của hệ thống giáo dục trong việc nâng cao chất lượng đầu ra; đồng thời cũng phản ánh đúng tinh thần của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 - một chương trình theo tiếp cận năng lực chỉ có thể được triển khai hiệu quả khi có sự đồng bộ giữa các yếu tố nguồn lực và quản trị nhà trường.



(Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2022)

Hình 2. Khung chất lượng giáo dục theo cách tiếp cận hệ thống

b. Một số thách thức đặt ra

Bên cạnh những kết quả tích cực, quá trình triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 vẫn đặt ra nhiều thách thức trong thực tiễn, phản ánh độ

phức tạp của việc chuyển đổi sang tiếp cận năng lực ở quy mô toàn quốc.

Thứ nhất, có sự chênh lệch đáng kể về điều kiện triển khai giữa các địa phương. Tại một số khu vực miền núi, vùng sâu, vùng khó khăn, điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và hạ tầng công nghệ thông tin còn hạn chế. Theo các báo cáo của ngành Giáo dục tại một số tỉnh miền núi phía Bắc, tỉ lệ phòng học kiên cố cấp tiểu học còn dưới 60% và tỉ lệ thiết bị dạy học tối thiểu đáp ứng yêu cầu của chương trình mới chỉ đạt khoảng 48-52% tùy cấp học; nhiều điểm trường lẻ vẫn thiếu thư viện, phòng học bộ môn, nhà vệ sinh và nước sạch, ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động thực hành và trải nghiệm theo yêu cầu của chương trình theo tiếp cận năng lực (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2023).

Thứ hai, việc triển khai các môn học tích hợp tạo ra yêu cầu mới đối với đội ngũ giáo viên. Phần lớn giáo viên hiện nay được đào tạo theo đơn môn, trong khi chương trình mới đòi hỏi khả năng tổ chức dạy học theo hướng liên môn và tích hợp kiến thức. Môn Khoa học Tự nhiên ở cấp trung học cơ sở được thiết kế tích hợp từ ba lĩnh vực Vật lý, Hóa học và Sinh học; môn Lịch sử và Địa lý cũng được tích hợp tương ứng. Tỉ lệ giáo viên có năng lực giảng dạy tích hợp còn thấp tại nhiều địa phương; tình trạng tương tự cũng diễn ra với các môn Nghệ thuật, Kinh tế và Pháp luật khi nhiều cơ sở chưa có giáo viên chuyên trách được đào tạo bài bản. Quá trình điều chỉnh chương trình đào tạo tại các cơ sở sư phạm đang được thực hiện nhưng chưa đồng bộ với tiến độ triển khai chương trình phổ thông mới.

Thứ ba, sự thay đổi từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực không chỉ là thay đổi về chương trình mà còn đòi hỏi sự chuyển biến trong tư duy dạy học và quản lý giáo dục. Trong thực tế, ở một số cơ sở giáo dục, hoạt động kiểm tra, đánh giá vẫn còn thiên về ghi nhớ kiến thức hoặc chú trọng kết quả thi cử, khiến việc triển khai dạy học phát triển năng lực chưa thật sự đồng đều giữa các địa phương và nhà trường.

Thứ tư, việc tổ chức biên soạn, lựa chọn và sử dụng sách giáo khoa theo quy định hiện hành đặt ra yêu cầu cao hơn đối với năng lực chuyên môn của giáo viên và công tác quản lý nhà trường trong việc khai thác hiệu quả nguồn học liệu đa dạng. Sự khác biệt về điều kiện triển khai và khả năng tiếp cận học liệu giữa các địa phương phần nào tạo ra những thách thức đối với mục tiêu bảo đảm chất lượng giáo dục đồng đều.

4. Kết luận

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đánh dấu một bước chuyển quan trọng trong định hướng phát triển giáo dục Việt Nam, từ cách tiếp cận nội dung sang tiếp cận phát triển phẩm chất và năng lực người học. Sự chuyển đổi này không chỉ thể hiện ở mục tiêu giáo dục mà còn tác động đến cấu trúc chương trình, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và cơ chế quản lý giáo dục phổ thông. So với Chương trình Giáo dục phổ thông 2006, Chương trình mới cho thấy xu hướng tăng cường tính tích hợp, phân hóa và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phù hợp hơn với yêu cầu phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh đổi mới và hội nhập.

Thực tiễn triển khai cho thấy, quá trình đổi mới đã đạt được một số kết quả bước đầu trong đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường chuyển đổi số và

mở rộng định hướng giáo dục phát triển năng lực. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi này vẫn đang đặt ra nhiều yêu cầu về đội ngũ giáo viên, điều kiện cơ sở vật chất, năng lực quản trị nhà trường và sự đồng bộ trong tổ chức thực hiện giữa các địa phương.

Từ những phân tích trên có thể thấy, đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông là một quá trình mang tính hệ thống và lâu dài, đòi hỏi sự phối hợp giữa chính sách giáo dục, đào tạo giáo viên, đầu tư cơ sở vật chất và đổi mới quản lý giáo dục. Trong bối cảnh đó, việc tiếp tục hoàn thiện cơ chế triển khai, tăng cường hỗ trợ các địa phương khó khăn và nâng cao năng lực thực hiện chương trình ở cấp cơ sở sẽ có ý nghĩa quan trọng đối với chất lượng và tính bền vững của tiến trình đổi mới giáo dục phổ thông ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương. (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW về Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*. Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2006). *Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 về việc Ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông*. Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2008). *Tài liệu hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức, kỹ năng các môn học*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2011). *Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2014). *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). *Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT: Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông*. Thư viện Pháp luật. Retrieved from <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-14-2020-TT-BGDĐT-phong-hoc-bo-mon-cua-co-so-giao-duc-pho-thong-443718.aspx>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023). *Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW*. <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx?ItemID=8943>.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025a). *Báo cáo thống kê và phân tích phổ điểm thi tốt nghiệp THPT 2025 (Báo cáo PDF)*.
- Chính phủ Việt Nam. <https://xdfs.cdnchinhphu.vn/446259493575335936/2025/7/15/bao-cao-15-7-2025-version3-17525732778341970600591.pdf>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025b). *Nghị quyết số 71-NQ/TW về Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*. <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-bo.aspx?ItemID=11034>.
- Cục Quản lý Chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023). *OECD công bố kết quả PISA Việt Nam năm 2022*.
- OECD. (2019). *TALIS 2018 Results: Teachers and School Leaders as Lifelong Learners*. Paris: OECD Publishing.
- OECD. (2024). *PISA 2022 Results (Volume I): The State of Education and Learning Today*. Paris: OECD Publishing.
- OECD. (2025). *Trends Shaping Education 2025*. https://www.oecd.org/en/publications/trends-shaping-education-2025_ee6587fd-en.html
- UNESCO. (2024). *Global Education Monitoring Report 2024: Leadership in education: lead for learning*. Paris: UNESCO Publishing.
- Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. (2017). *Báo cáo tổng kết, đánh giá Chương trình Giáo dục phổ thông 2006*. Hà Nội.
- Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam. (2022). *Báo cáo phân tích ngành Giáo dục Việt Nam 2011 - 2020*. NXB Giáo dục Việt Nam.